

Bản án số: 72/2022/KDTM-ST

Ngày: 08-8-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh;
2. Ông Nguyễn Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 04/2022/TLST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2022/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X; địa chỉ trụ sở: Tầng 8, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần T. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lâm T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Văn Hội 1, thị trấn D, huyện T, tỉnh B. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P; địa chỉ: C7.01 Chung cư L số 528 H, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn P, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 23/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án có ông Nguyễn Lâm T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P ký với Ngân hàng TMCP X (Eximbank) Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín

dụng doanh nhân số VB0094/EIB/HĐTDNCT ngày 01/9/2015 theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng: 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Chủ thẻ là ông Dương Văn P, chức vụ Tổng giám đốc Công ty theo Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế ngày 01/9/2015.

Quá trình sử dụng thẻ, ông Dương Văn P giám đốc công ty đã dùng thẻ để thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh (tạm tính đến 08/8/2022) với số tiền nợ cụ thể: 812.492.371 đồng. Trong đó nợ gốc: 56.100.430 đồng và nợ lãi + phí: 756.391.941 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và gửi thông báo cho ông Dương Văn P – giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P yêu cầu thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay ông Dương Văn P và Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P vẫn không thanh toán.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P có ông Dương Văn P là giám đốc công ty có trách nhiệm phải thanh toán toàn bộ gốc, lãi cho Ngân hàng ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Lãi suất và phí tiếp tục được tính cho đến khi Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P có ông Dương Văn P đại diện trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về phía bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung nguyên đơn cung cấp địa chỉ bị đơn là số C7.01 Chung cư Luxcity số 528 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thì Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P có địa chỉ trụ sở chính số C7.01 Chung cư L số 528 H, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ gốc, lãi theo Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân số VB0094/EIB/HĐTDNCT ngày 01/9/2015 - Đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P và ông Dương Văn P đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/8/2022 theo Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân số VB0094/EIB/HĐTDNCT ngày 01/9/2015 (tạm tính đến 08/8/2022) với số tiền nợ cụ thể: 812.492.371 đồng. Trong đó nợ gốc: 56.100.430 đồng và nợ lãi + phí: 756.391.941 đồng. Ngân hàng yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 09/8/2022, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân số VB0094/EIB/HĐTDNCT ngày 01/9/2015 theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng: 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Chủ thẻ là ông Dương Văn P, chức vụ Tổng giám đốc Công ty theo Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế ngày 01/9/2015, bảng sao kê tài khoản và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P có đề nghị phát hành thẻ tín dụng doanh nhân và đã được nguyên đơn chấp thuận với hạn mức tín dụng: 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, với mục đích phát hành thẻ tín dụng doanh nhân cho (các) cán bộ, nhân viên của Doanh nghiệp. Ngày 31/8/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 56.100.430 đồng sang nợ quá hạn theo Điều 6 của Hợp đồng từ ngày 19/10/2018. Tính đến ngày 08/8/2022, Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P còn nợ Ngân hàng số tiền là: 812.492.371 đồng, trong đó nợ gốc: 56.100.430 đồng và nợ lãi + phí: 756.391.941 đồng.

Theo sự trình bày của nguyên đơn thì người sử dụng thẻ là ông Dương Văn P nhưng Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân số VB0094/EIB/HĐTDNCT ngày 01/9/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X và Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P do đó nghĩa vụ thanh toán là của Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P không phải cá nhân ông Phương.

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân số VB0094/EIB/HĐTDNCT ngày 01/9/2015 thì Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đến nay bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 08/8/2022 số tiền là: 812.492.371 đồng, trong đó nợ gốc: 56.100.430 đồng và nợ lãi + phí: 756.391.941 đồng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết, phù hợp với Thông báo biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng của Ngân hàng TMCP X và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng và theo các Thông báo biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng của Ngân hàng TMCP X cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự

sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng TMCP X, bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X.

2.1. Buộc Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/8/2022 là 812.492.371 (tám trăm mười hai triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi một) đồng, trong đó nợ gốc: 56.100.430 (năm mươi sáu triệu một trăm ngàn bốn trăm ba mươi) đồng và nợ lãi + phí: 756.391.941 (bảy trăm năm mươi sáu triệu ba trăm chín mươi một ngàn chín trăm bốn mươi một) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2 Kể từ ngày 09/8/2022, Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng và theo các Thông báo biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng của Ngân hàng TMCP X cho đến khi thi hành án xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P phải chịu 36.374.771 (Ba mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 10.728.972 (Mười triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn chín trăm bảy mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0013881 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X, bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng dịch vụ vận tải P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Đức).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương